

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DSST

Ngày: 07-5-2021

“V/v Tranh chấp kiện đòi nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh L - sinh năm 1975 (có mặt).

Anh Danh Minh Nh - sinh ngày 23/8/2002 (vắng mặt, ủy quyền cho ông Danh L theo văn bản ngày 21/11/2020).

Chị Danh Thị Minh Th - sinh ngày 08/7/2004 (vắng mặt, ủy quyền cho ông Danh L theo văn bản ngày 21/11/2020).

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Mỹ, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thị Bé H - sinh năm 1977 (có mặt) và ông Danh X - sinh năm 1976 (vắng mặt nhưng ủy quyền cho bà H theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Bà Thị Tuyết Mai (tên thường gọi là Dương) - sinh năm 1976 (chết).

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Mai là: Ông Danh L - sinh năm 1975, anh Danh Minh Nh - sinh ngày 23/8/2002 và chị Danh Thị Minh Th - sinh ngày 08/7/2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh L trình bày: Vợ tôi là Thị Tuyết M có làm chủ hội từ năm 2017 đến ngày 16/4/2018 thì vợ tôi chết nên trước khi vợ tôi chết thì vợ tôi làm chủ hội và bà H có chơi hội, cụ thể như sau:

Vào ngày 15/3/2017, áp dây hội 3.000.000 đồng, có 53 hội viên nên bà H có tham gia 01 chân, 01 tháng xổ hội 2 lần và bà H đã hốt hội, đóng được 25 lần còn nợ lại 27 lần. Do đó, bà H còn phải đóng là 27 lần x 3.000.000 đồng = 81.000.000 đồng.

Đến ngày 03/6/2017, áp dây hội 500.000 đồng, có 72 hội viên nên bà H có tham gia 01 chân, xổ hội vào thứ hai hàng tuần và bà H đã hốt hội nên bà H còn phải đóng hội chết là 16.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 06/10/2017, áp dây hội 1.000.000 đồng, có 49 hội viên nên bà H có tham gia 01 chân, 01 tháng xổ hội 3 lần và bà H đã hốt hội, đóng được 17 lần còn nợ lại 36 lần. Do đó, bà H còn phải đóng là 36 lần x 1.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền bà H còn thiếu vợ tôi 03 dây hội trên là 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Lúc vợ tôi chết thì nhiều hội viên yêu cầu tôi trả nợ hội trong đó có bà B và bà Y. Do đó, giữa tôi, bà B, bà H và bà Y giáp mặt với nhau để bàn giao nợ hội thì vào ngày 29/6/2018 và ngày 30/6/2018 các bên có làm biên bản giao tiền hội thì bà B, bà Y và bà H đều đồng ý. Đồng thời, bà H đã trả cho bà B được 21.500.000 đồng và bà Y 27.000.000 đồng nhưng sau đó, bà H không có trả cho bà B nữa nên bà B khởi kiện tôi. Từ đó, việc bàn giao hội với nhau không còn giá trị nên tôi mới khởi kiện bà H yêu cầu bà H và chồng bà phải trả cho tôi số tiền còn lại là 84.500.000 đồng.

Nguyện vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông X phải trả cho tôi số tiền hội còn thiếu là 84.500.000 đồng (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và bà H, ông X phải trả một lần là hết nợ, còn bà H xin trả dần thì tôi không đồng ý. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì thêm.

Đồng nguyên đơn anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th trình bày: Anh em tôi có làm bản tự khai nộp cho Tòa án và chúng tôi là con ông L. Do đó, chúng tôi thống nhất theo ý kiến của ông L nêu trên nên chúng tôi không có ý kiến thêm gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Thị Bé H trình bày: Tôi xác định vợ ông L (bà M) có làm chủ hội và tôi có tham gia chơi 3 dây là sự thật nên cụ thể như sau:

Vào ngày 15/3/2017, áp dây hội 3.000.000 đồng có 53 hội viên nên tôi có tham gia 01 chân, 01 tháng xổ hội 2 lần và tôi đã hốt hội và đóng được 25 lần còn nợ lại 27 lần. Do đó, dây hội này tôi còn phải đóng là 27 lần x 3.000.000 đồng = 81.000.000 đồng.

Đến ngày 03/6/2017, áp dây hội 500.000 đồng, có 72 hội viên nên tôi có tham gia 01 chân và tôi đã hốt rồi còn ngày tháng hốt hội và đóng lại bao nhiêu tôi không nhớ nhưng giữa tôi, ông L và các hội viên thống nhất là tôi còn phải đóng là 16.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 06/10/2017, áp dây hội 1.000.000 đồng, có 49 hội viên nên

tôi có tham gia 01 chân, 01 tháng xổ hụi 3 lần và tôi đã hốt hụi và đóng được 17 lần còn nợ lại 36 lần. Do đó, dây hụi này tôi còn phải đóng là 36 lần x 1.000.0000 đồng = 36.000.000 đồng. Do đó, tổng cộng 3 dây hụi trên tôi còn thiếu bà Mai (vợ ông L) là 133.000.000 đồng.

Sau đó, tôi cùng với ông L, bà B, bà Y mới bàn giao nợ hụi với nhau nên tôi có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị B số tiền là 81.000.000 đồng và bà Chương Thị Bảo Y là 27.000.000 đồng còn thiếu lại ông L là 25.000.000 đồng.

Khi bàn giao hụi xong thì tôi đã trả cho bà B được 21.500.000 đồng và bà Y được 27.000.000 đồng thì không trả cho bà B được nữa do chợ bị cháy tôi không có tiền. Từ đó, bà B mới kiện ông L nên ông L kiện tôi.

Do đó, tôi xác định hiện nay tôi còn thiếu ông L số tiền hụi là 84.500.000 đồng.

Nay ông Danh L khởi kiện vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu tiền hụi của ông L là 84.500.000 đồng nên vợ chồng tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ còn ông L yên cầu vợ chồng tôi trả một lần hết nợ thì vợ chồng tôi không có khả năng.

Tại bản tự khai đề ngày 14/11/2020 ông Danh X trình bày: Việc vợ tôi là Thị Bé H có chơi hụi do vợ ông L (bà Mai) có làm chủ hụi và chơi mấy dây hụi thì tôi không biết nhưng tôi cũng đồng ý cùng vợ tôi trả tiền nợ hụi cho ông L như ý kiến của vợ tôi.

Nay ông Danh L khởi kiện vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu tiền hụi của ông L là 84.500.000 đồng nên vợ chồng tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn ông L yên cầu vợ chồng tôi trả một lần hết nợ thì vợ chồng tôi không có khả năng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Danh X, bà Thị Bé H phải trả cho ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th tổng số tiền vốn là 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th là đồng nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Mai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh X, bà Thị Bé H phải trả số tiền hụi còn thiếu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi nợ hụi”

theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Danh Minh Nh, chị Danh Thị Minh Th là đồng nguyên đơn và ông Danh X là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Nh, chị Th ủy quyền cho ông Danh L còn ông Danh X ủy quyền cho bà H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Các đương sự thừa nhận bà Thị Tuyết Mai (vợ ông L) làm chủ hụi và bà Thị Bé H có chơi hụi là đúng sự thật. Xét về thỏa thuận chơi hụi trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên là không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ và được tự nguyện thi hành.

Đồng thời, trong quá trình áp hụi và chơi hụi thì bà Thị Bé H thừa nhận hiện nay bà còn thiếu bà Thị Tuyết Mai (ông Danh L) số tiền hụi mà bà chưa đóng hụi chết là 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, từ khi bà Thị Tuyết M chết đến nay mà bà H không trả được nợ cho ông L và các con là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Danh X là chồng bà H thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả tiền hụi còn thiếu cho ông L và các con. Do đó, buộc bà Thị Bé H và ông Danh X phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hụi còn thiếu cho ông L, anh Nh và chị Th là 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Danh L và các con ông không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về việc bà Thị Bé H và ông Danh X xin trả dần số tiền trên mỗi một năm 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ cho ông Danh L và các con, yêu cầu này của bà H, ông X không được ông L và các con chấp nhận. Do đó, không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông X, bà H.

[4] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc buộc ông Danh X, bà Thị Bé H phải có trách nhiệm trả cho ông Danh L và các con ông số tiền hụi còn nợ là 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST là: Yêu cầu của ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th được Tòa án chấp nhận nên ông và các con nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông và các con đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)

theo biên lai thu tiền số 0005278 ngày 14/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh X, bà Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $84.500.000đ \times 5\% = 4.225.000đ$ (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 và Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th đối với ông Danh X, bà Thị Bé H.

Buộc ông Danh X, bà Thị Bé H phải trả cho ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th số tiền là 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 4.225.000đ (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) buộc ông Danh X, bà Thị Bé H phải nộp.

Yêu cầu của ông Danh L, anh Danh Minh Nh và chị Danh Thị Minh Th được Tòa án chấp nhận nên ông và các con được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông và các con đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005278 ngày 14/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 07/5/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã Định Hòa;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh